

Bản án số: 38/2018/DS-PT
Ngày: 27 - 03 - 2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Châu Việt Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2018 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lâm Quốc H - sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Đồng bị đơn:* Bà Lâm Cẩm HH - sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Lâm Hùng V - sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp AA, xã BB, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Nguyễn Văn T (T), sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp II, xã HP, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Ông Lâm Đình K, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp LT, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Bà Lâm Thị Cẩm L, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp VP, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Ông Lâm Chí C, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp AA, xã BB, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu..

- 3.5. Anh Lâm Quốc VV, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.
- 3.6. Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Đ
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.
- 3.7. Bà Trần Thị Thanh M, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.
- 3.8. Ông Ngô Văn TT và Bà Dương Thị Út NN
Cùng địa chỉ: Ấp MT, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.
- 3.9. Chị Trương Thị LL, sinh năm 1975. Anh Lâm Hữu NNN, sinh năm 1995
Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Ấp AA, xã BB, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.
(Ông H, bà M, ông Hùng V có mặt, các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lâm Quốc H trình bày: Ông H xác định mẹ ông là Cụ N1 chết ngày 27 tháng 12 năm 2010, cha ông là cụ M1 chết ngày 28 tháng 11 năm 2011, ông H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ M1 và cụ N1 để lại theo quy định của pháp luật cho 8 người con của cụ M1 và cụ N1 gồm Lâm Thị HH (Đã chết trước cụ M1 và cụ N1 và có 01 người con là Nguyễn Văn T), Lâm Đình K, Lâm Thị Cẩm L, Lâm Chí C, Lâm Cẩm HH, Lâm Quốc H, Lâm Quốc VV và Lâm Hùng V, đối với di sản do cụ N1 và cụ M1 để lại ở xã VPĐ và xã B. Ông H xác định cụ N1 và cụ M1 không có con nuôi, không có con riêng.

Ngày 06 tháng 7 năm 2016 ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các di sản của cụ M1 và cụ N1 để lại ở xã VPĐ như: Diện tích 848,40m² và diện tích 3.192m² đất thuộc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 07 do anh Lâm Hùng V đang quản lý; Rút yêu cầu đối với đất cổ của cụ N1 theo giấy cổ đất ngày 20 tháng 02 năm 2008 và xác định không yêu cầu chia đối với diện tích đất 5.919,9m² thuộc thửa đất số 444, tờ bản đồ số 2 do bà Lâm Cẩm HH đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông H yêu cầu chia thừa kế đối với các di sản ở xã HP bao gồm:

+ Diện tích đất ở và vườn tạp là 8.629,76m² thuộc thửa đất 837 tờ bản đồ số 2, trừ đi diện tích căn nhà của bà HH đang ở có chiều ngang khoảng 5,5m và chiều dài khoảng 12m, không yêu cầu chia nhà và cây tạp trên đất do ông M1 đứng tên quyền sử dụng (Ông H xác định đất và nhà hiện tại do bà HH quản lý sử dụng).

+ Đất ruộng diện tích 6.670m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 02 do cụ Minh đứng tên quyền sử dụng đất (Ông H xác định hiện tại bà Hồng đang quản lý sử dụng).

+ Diện tích 3.945,6m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 02 do cụ M1 đứng tên quyền sử dụng đất (ông H xác định hiện tại anh Lâm Hùng V đang quản lý sử dụng).

+ Diện tích 2.649m² thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 02 do cụ M1 đứng tên quyền sử dụng đất (ông H xác định trước đây cố cho vợ chồng ông TT và bà NN, nhưng bà HH đã chuộc lại đất này, hiện tại bà Lâm Cẩm HH đang quản lý sử dụng).

+ Diện tích 3.621,5m² thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 02 do cụ M1 đứng tên quyền sử dụng đất (ông H xác định hiện tại do bà HH đang quản lý sử dụng).

+ Diện tích đất 9.158,9m² do bà Lâm Cẩm HH đứng tên quyền sử dụng đất. Trong diện tích đất này ông H đồng ý trừ 02 công tầm cây qua đo đạc thực tế có diện tích 2.591,7m² đã bán cho Lê Văn S ở ấp A, xã B, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu và trừ 01 công tầm cây có diện tích 1.296m² đã bán cho Lâm Hùng V để trừ nợ, đồng ý chuyển nhượng diện tích 2.591,7m² đất với ông S và bà Đ, đồng ý chuyển nhượng 1.296m² đối với anh Lâm Hùng V và chị Trương Thị LL. Phần còn lại có diện tích 5.271,2m² hiện tại do Lâm Hùng V quản lý ông H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Ngoài ra, ông H còn xác định cụ N1 khi còn sống có vay của ông H và bà M 03 lượng vàng 24k, khi đó cụ N1 có viết giấy thỏa thuận với nội dung nếu cụ N1 không trả vàng thì sẽ trả cho ông H và bà M 04 công đất. Nay ông H yêu cầu lấy 04 công đất là di sản thừa kế để trừ nợ 03 lượng vàng 24k mà cụ Nguyễn Thị N1 đã nợ ông H và bà M.

Bị đơn bà Lâm Cẩm HH trình bày: Bà HH thống nhất với lời khai của ông H về con chung của cụ M1 và cụ N1. Bà HH sống chung với cụ M1 và cụ N1, trong quá trình sống chung bà HH thực hiện rất nhiều giao dịch liên quan đến cha mẹ, nhưng bà HH không biết việc cụ Nhị có vay của vợ chồng ông H 03 lượng vàng 24k, nên bà HH không đồng ý theo yêu cầu về vàng của ông Lâm Quốc H.

Về yêu cầu chia thừa kế của ông H: Bà HH xác định trong thời gian cụ M1 và cụ N1 còn sống bà HH có thực hiện việc trả nợ thay cho cụ M1 và cụ N1 số tiền 15.000.000đồng nợ Ngân hàng để lấy quyền sử dụng đất về. Khi mẹ mất thì bà cũng phải bán 02 công đất cho ông Lê Văn S để mai táng, khi cụ M1 mất bà HH cũng cố 02 công đất cho ông TT và bà NN lấy 20 chỉ vàng 24k để lo phí mai tang. Khi cụ N1 còn sống có cố cho ông H và bà M 02 công đất bằng 06 chỉ vàng 24k (Cố vào năm cố 2009). Năm 2011, bà HH đã dùng vàng của bà HH chuộc lại đất này và trả cho ông H xong 06 chỉ vàng 24k. Vì khi còn sống cụ M1 và cụ N1 đã cho đất riêng cho các anh em, phần còn lại bà HH có quyền hưởng vì cụ M1 và cụ N1 có để lại di chúc cho bà HH, nên việc ông Lâm Quốc H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật bà HH không đồng ý. Bà HH đồng ý việc chuyển nhượng cho ông S 02 công tầm cây đất và đồng ý chuyển nhượng cho vợ chồng anh Lâm Hùng V 01 công tầm cây đất. Bà HH không yêu cầu chia thừa kế đối với tất cả di sản do cụ M1 và cụ N1 để lại.

Bị đơn Lâm Hùng V trình bày: Khi còn sống cha mẹ ông Hùng V là cụ M1 và cụ N1 không có mượn vàng của ông H và bà M, tại giấy tờ mượn ông H cung cấp thì không có người kế cận ký tên, nên giấy mượn vàng này là không giá trị. Khi cụ N1 còn sống ông H không yêu cầu, nay cụ N1 chết rất lâu mới đem giấy ra đòi vàng,

ông Hùng V khẳng định việc mượn 03 lượng vàng 24k là không có, nên không đồng ý theo yêu cầu ông Quốc H.

Về đất: Khi cha mẹ còn sống đã phân chia cho anh em trong gia đình xong, khi cha chết cũng để lại di chúc như bà HH trình bày, nay ông H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là quá vô lý, nên ông Hùng V không đồng ý toàn bộ yêu cầu của ông H. Ông V đồng ý việc chuyển nhượng cho ông S 02 công tầm cây đất trồng lúa và đồng ý chuyển nhượng cho vợ chồng anh Lâm Hùng V 01 công tầm cây đất trồng lúa. Ông Việt không yêu cầu chia thừa kế đối với tất cả di sản do cụ M1 và cụ N1 để lại.

Thông nhất bà H có trả nợ cho cụ M1 và cụ N1 số tiền 15.000.000đồng và có cõ 02 công đất cho ông TT và bà NN lấy 20 chỉ vàng 24k để lo mai táng chi phí cho cụ M1, thống nhất bà HH có dùng 06 chỉ vàng 24k của bà HH để chuộc đất từ ông H và bà M thay cho cụ M1 và cụ N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T (T) trình bày: Anh là con ruột duy nhất của bà Lâm Thị H1, mẹ anh là bà H1 chết trước cụ N1 và cụ M1, khi mẹ anh mất thì anh về bên nội sống nên anh không biết gì về việc tranh chấp, anh T đồng ý nhận di sản theo quy định pháp luật và đồng ý nhận giá trị phần được hưởng. Anh T thống nhất với lời khai của ông H về con chung của cụ M1 và cụ N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Đình K trình bày: Phần vàng mà ông Quốc H yêu cầu ông hoàn toàn không biết. Ông K xác định trong phần di sản mà ông H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, nếu như ông K được hưởng thì ông đồng ý nhận, phần di sản còn lại không ai yêu cầu giải quyết thì ông cũng không yêu cầu giải quyết. Ông K thống nhất với lời khai của ông H về con chung của cụ M1 và cụ N1. Thống nhất bà HH đã trả nợ cho cụ M1 và cụ N1 15.000.000đồng, đã dùng 06 chỉ vàng 24k của bà HH chuộc đất của ông H và bà M thay cụ N1 và cụ M1, thống nhất chuyển nhượng cho vợ chồng ông S 02 công tầm cây đất, chuyển nhượng cho anh Hùng V và chị LL 01 công tầm cây đất, thống nhất bà HH cõ đất cho ông TT và bà NN bằng 20 chỉ vàng 24k để lo chi phí mai táng cho cụ M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Cẩm L trình bày: Bà L cho rằng bà không biết gì về việc bà N1 mượn vàng của vợ chồng ông H, nên không đồng ý yêu cầu đòi vàng của ông H. Về đất, đối với phần ông H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nếu như được hưởng thì bà L đồng ý nhận, phần di sản còn lại không có ai yêu cầu chia bà L cũng không yêu cầu chia thừa kế.

Bà L thống nhất với lời khai của ông H về con chung của cụ M1 và cụ N1. Thống nhất việc bà HH đã trả nợ cho cụ M1 và cụ N1 15.000.000 đồng, đã dùng 06 chỉ vàng 24k của bà HH chuộc đất của ông H và bà M thay cụ N1 và cụ M1, thống nhất chuyển nhượng cho vợ chồng ông S 02 công tầm cây đất, chuyển nhượng cho anh Hùng V và chị LL 01 công tầm cây đất, thống nhất bà HH cõ đất cho ông TT và bà NN bằng 20 chỉ vàng 24k để lo chi phí mai táng cho cụ M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Chí C trình bày: Ông cho rằng ông không biết gì về việc bà N1 mượn vàng vợ chồng ông H, nên không đồng ý việc ông Quốc H yêu cầu lấy 04 công đất trừ 03 lượng vàng, về phần ông H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nếu như ông C được hưởng thì ông nhận và đề xuất nhận giá trị đối với phần di sản được hưởng. Phần tài sản còn lại không có ai yêu cầu thì ông C cũng không yêu cầu chia thừa kế.

Ông C thống nhất với lời khai của ông Hải về con chung của cụ M1 và cụ N1. Thống nhất bà HH đã trả nợ cho cụ M1 và cụ N1 15.000.000 đồng, đã dùng 06 chỉ vàng 24k của bà HH chuộc đất của ông H và bà M thay cụ N1 và cụ M1, thống nhất chuyển nhượng cho vợ chồng ông S 02 công tầm cây đất, chuyển nhượng cho anh Hùng V và chị LL 01 công tầm cây đất, thống nhất bà HH cổ đất cho ông TT và bà NN bằng 20 chỉ vàng 24k để lo mai táng phí cho cụ M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quốc V trình bày: Ông cho rằng ông không biết gì về việc bà N1 mượn vàng vợ chồng ông H, nên không đồng ý việc ông Quốc H yêu cầu lấy 04 công đất trừ 03 lượng vàng, về phần ông H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nếu như ông Quốc V được hưởng thì ông nhận. Phần tài sản còn lại không có ai yêu cầu thì ông Quốc V cũng không yêu cầu chia thừa kế.

Ông Quốc V thống nhất với lời khai của ông H về con chung của cụ M1 và cụ N1. Thống nhất bà HH đã trả nợ cho cụ M1 và cụ N1 15.000.000 đồng, bà HH đã dùng 06 chỉ vàng 24k của bà HH chuộc đất của ông H và bà M thay cụ N1 và cụ M1, thống nhất chuyển nhượng cho vợ chồng ông S 02 công tầm cây đất, chuyển nhượng cho anh Hùng V và chị LL 01 công tầm cây đất, thống nhất bà HH cổ đất cho ông TT và bà NN bằng 20 chỉ vàng 24k để lo mai táng phí cho cụ M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh M trình bày: Thống nhất theo yêu cầu ông Lâm Quốc H về yêu cầu vàng đối với cụ N1. Thống nhất việc ông H rút yêu cầu đối với đất cổ của cụ N1 theo giấy cổ đất ngày 20 tháng 02 năm 2008.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Văn TT trình bày: Anh có nhận cổ của bà HH 02 công đất với giá 20 chỉ vàng 24K và có giấy cổ đất ngày 09 tháng 3 năm 2012 âm lịch. Tại lời khai ngày 20/7/2016 anh TT xác định vợ chồng anh đã cho bà HH chuộc lại đất, bà HH đã trả 20 chỉ vàng 24k cho vợ chồng anh và nhận lại đất xong. Vợ chồng anh không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Út NN vợ ông TT: Bà NN vắng mặt nhiều lần, Tòa án trực tiếp đến nhà nhưng bà NN không có mặt ở nhà nên không tiến hành lấy lời khai được.

Từ nội dung nêu trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DSST ngày 15/9/2017, Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với các yêu cầu sau của ông Lâm Quốc H:
 - Đình chỉ yêu cầu của ông H đối với diện tích 848,40m² và diện tích 3.192m² đất thuộc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 07 do anh Lâm Hùng V đang quản lý.

- Đình chỉ yêu cầu của ông H đối với đất cổ của cụ N1 theo giấy cổ đất ngày 20 tháng 02 năm 2008.

2. Ông Lâm Quốc H được chia và hưởng quyền sử dụng diện tích 2.649m² thửa số 124, tờ bản đồ số 02 do ông Lâm Văn M1 đứng tên quyền sử dụng (có tuyên tứ cạnh kèm theo). Buộc bà Lâm Cẩm HH có nghĩa vụ giao cho ông Quốc H diện tích đất vừa nêu, ông H có quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất được chia theo quy định.

3. Ông Lâm Đình K được chia và hưởng diện tích 3.945,6m² thửa số 124, tờ bản đồ số 02 do ông Lâm Văn M1 đứng tên quyền sử dụng (có tuyên tứ cạnh kèm theo). Buộc ông Lâm Hùng V có nghĩa vụ giao cho ông Lâm Đình K diện tích đất này, ông Lâm Đình K có quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất được chia theo quy định.

4. Bà Lâm Cẩm HH được chia và hưởng quyền sử dụng đối với diện tích 8.563,76m² (Có diện tích 1.883,72m²) và giao bà HH tạm quản lý diện tích 66m² đất thuộc thửa đất số 837, tờ bản đồ số 03 do ông Lâm Văn M1 đứng tên quyền sử dụng (có tuyên tứ cạnh kèm theo). Bà HH đang sử dụng đất này, nên được tiếp tục sử dụng và quyền sử dụng, bà HH có quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích 8.563,76m² đất theo quy định.

5. Anh Lâm Quốc VV được chia và hưởng diện tích 6.670m² thửa số 124, tờ bản đồ số 02 do ông Lâm Văn M1 đứng tên quyền sử dụng (có tuyên tứ cạnh kèm theo). Buộc bà Lâm Cẩm HH có nghĩa vụ giao cho anh Lâm Quốc VV diện tích đất này, anh Quốc VV có quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất được chia theo quy định.

6. Bà Lâm Thị Cẩm L được chia và hưởng diện tích 3.621,5m² thửa số 124, tờ bản đồ số 02 do ông Lâm Văn M1 đứng tên quyền sử dụng (có tuyên tứ cạnh kèm theo). Buộc bà Lâm Cẩm HH có nghĩa vụ giao cho bà Lâm Thị Cẩm L diện tích đất này, bà L có quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất được chia theo quy định.

7. Anh Lâm Hùng V được chia và hưởng quyền sử dụng đối với diện tích 5.271,20m², tạm giao anh Hùng V diện tích 1.296m² đất thuộc thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02 (có tuyên tứ cạnh kèm theo). Anh Hùng V đang quản lý đất này nên tiếp tục quản lý và có quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định đối với diện tích 5.271,20m².

8. Về nghĩa vụ hoàn trả giá trị nhiều hơn so với kỷ phần được hưởng:

- Buộc anh Lâm Quốc VV trả cho ông Lâm Quốc H số tiền là 55.304.622 đồng và trả cho Nguyễn Văn T số tiền 122.086.025 đồng.

- Buộc bà Lâm Cẩm HH trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 86.516.227 đồng và trả cho ông Lâm Chí C là 91.455.434 đồng.

- Buộc anh Lâm Hùng V trả cho ông Lâm Chí C số tiền 96.442.000đ, buộc bà Lâm Thị Cẩm L trả cho ông Lâm Chí C số tiền 973.000đ và buộc ông Lâm Đình K giao cho ông Lâm Chí C số tiền 19.787.000 đồng.

9. Buộc bà Lâm Cẩm HH, anh Lâm Hùng V, anh Nguyễn Văn T, ông Lâm Đình K, bà Lâm Thị Cẩm L, ông Lâm Chí C và anh Lâm Quốc VV mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Quốc H và bà Trần Thị Thanh M 03 chỉ 07 phân 05 ly vàng 24k.

10. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Lâm Cẩm HH được cấp tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 378232 đối với diện tích đất 9.174,6m² đất trồng lúa tại thửa đất số 206 tờ bản đồ số 02.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: được nhận 04 công đất để trừ 03 cây vàng 24k bà N1 đã mượn và yêu cầu ông Hùng V trả 20 gia lúa/công/3,5 công từ năm 2011 đến nay.

Ngày 19 tháng 10 năm 2017, bị đơn ông Lâm Hùng V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Không chấp nhận yêu cầu đòi lại 03 cây vàng 24k và yêu cầu chia thừa kế của ông H đối với tài sản của cụ M1 và cụ N1 chết để lại.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc chị LL (vợ ông Hùng V) cùng có trách nhiệm giao đất cho ông Lâm Đình K và trả cho anh C số tiền 96.442.000 đồng là không đảm bảo cho việc thi hành án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh M, bị đơn ông Lâm Hùng V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và bổ sung các nội dung vi phạm khác của Tòa án cấp sơ thẩm như sau: không xác định tổng giá trị di sản; không tuyên đình chỉ đối với phần đất ông H rút yêu cầu là đất vườn 5,5m x 12m và 5.919,9m²; Diện tích đất được chia và diện tích đất đo đạc thực tế không thống nhất, có phần đất Tòa chia nhưng không có sơ đồ bản vẽ, không xác định được tứ cạnh là không thi hành án được; Định giá đất thổ cư và đất trồng lúa cùng giá, không tiến hành định giá lại mà sử dụng kết quả định giá 04 năm trước; Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất chuyển nhượng cho ông Sơn và Hùng V mà không giải quyết các giao dịch này là chưa giải quyết hết các mối quan hệ trong vụ án; Giao đất cho bà HH có cả phần đất đã chuyển nhượng cho ông BB mà không đưa ông BB tham gia tố tụng; Phân chia di sản có các vật kiến trúc, cây trồng mà không định giá làm cơ sở giải quyết vụ án; Chưa thu thập chứng cứ làm rõ có hay không có việc ông H cho cụ N1 mượn 03 lượng vàng 24k. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 33 ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Ông Lâm Hùng V kháng cáo không chấp nhận yêu cầu đòi lại 03 cây vàng 24k và yêu cầu chia thừa kế của ông H đối với tài sản của cụ M1 và cụ N1 chết để lại: xét thấy, tất cả các bên đương sự thống nhất xác định cụ Nguyễn Thị N1 chết ngày 27 tháng 12 năm 2010, cụ Lâm Văn M1 chết ngày 28 tháng 11 năm 2011; cụ N1 và cụ M1 có 08 người con gồm: Lâm Thị H1 (Đã chết trước cụ M1 và cụ N1 và có 01 người con là Nguyễn Văn T), Lâm Đình K, Lâm Thị Cẩm L, Lâm Chí C, Lâm Cẩm HH, Lâm Quốc H, Lâm Quốc VV và Lâm Hùng V; cụ N1 và cụ M1 không con nuôi, không có con riêng. Như vậy, hàng thừa kế là không tranh chấp.

[2] Xét thấy, ông H yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ N1 và cụ M1 để lại, bà HH thì xác định cụ Nhị đã lập di chúc ngày 29/11/2010 cho bà HH toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, di chúc này không có người làm chứng, bà HH thừa nhận di chúc do người hàng xóm viết thay cụ N1 nên di chúc này bị vô hiệu theo quy định tại Điều 655 Bộ luật Dân sự 2005, tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản của cụ N1, cụ M1 theo pháp luật là có căn cứ nhưng không tuyên bố di chúc này vô hiệu là thiếu sót.

[3] Về di sản thừa kế: Ông H, bà HH, ông Hùng V và các đồng thừa kế khác thống nhất xác định cụ N1 và cụ M1 có các tài sản chung là các phần đất tọa lạc tại ấp A, xã B và ấp II, xã VPĐ cùng thuộc huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu do bà HH và anh Hùng V đang quản lý. Tuy nhiên, anh Hùng V và bà HH thì xác định các tài sản này là cha mẹ chia cho anh Hùng V và bà HH, không phải là di sản thừa kế. Đồng thời, các đương sự cũng thống nhất xác định cha mẹ đã chia cho ông H và ông Quốc VV mỗi người là 04 công đất mà bà HH hiện còn đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, cha mẹ đã chia cho ông K và ông C mỗi người 02 công đất. Hồ sơ thể hiện các đồng thừa kế khác như ông Quốc VV, ông K, ông C, bà L có nhiều lời khai thể hiện cha mẹ đã chia đất xong cho các con. Như vậy là có sự mâu thuẫn, chưa rõ ràng trong lời khai của các đương sự về di sản thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật mà không xác định được khi cụ M1 và cụ N1 còn sống thì đã cùng tạo lập được những tài sản nào? Tài sản nào đã giao cho những ai quản lý? Giao bằng hình thức nào? Quản lý từ thời điểm nào? Hiện nay tài sản này người được giao quản lý thì đã đăng ký kê khai chưa? Hiện trạng tài sản này như thế nào? Ý kiến các đồng thừa kế về việc cha mẹ giao tài sản này thì là cha mẹ chia tài sản này cho người quản lý chưa? Nay có yêu cầu chia thừa kế tài sản này không? nếu không yêu cầu chia thừa kế mà có căn cứ xác định là di sản thừa kế thì có để cho đồng thừa kế nào hưởng phần mà họ từ chối nhận không hay là để chia chung theo pháp luật? Ngoài ra, tại Biên bản hòa giải ngày 25/10/2010 (bl 25), cụ M1 xác định phần tài sản cụ đang quản lý thì cụ cho bà L 02 công đất nên cũng cần

hỏi rõ các đồng thừa kế về nguyện vọng này của cụ M1 thì họ có ý kiến như thế nào để đảm bảo xem xét toàn diện các tình tiết thể hiện trong hồ sơ.

[4] Bút lục 168 thể hiện cụ M1 đã làm hợp đồng tặng cho bà HH quyền sử dụng đất diện tích 9.174,6m² và bà HH đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm phân chia phần đất này mà không xem xét tính hợp pháp của hợp đồng tặng cho này, nếu vô hiệu thì vô hiệu một phần hay toàn bộ từ đó xác định những phần diện tích đất nào là di sản của cụ M1, cụ N1 để giải quyết chia thừa kế theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo được quyền lợi của các đồng thừa kế.

[5] Ngày 06 tháng 7 năm 2016, ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các di sản của cụ M1 và cụ N1 để lại ở xã VPĐ như: Diện tích 848,40m² ; 3.192m² ; đất cổ của cụ N1 theo giấy cổ đất ngày 20 tháng 02 năm 2008; 5.919,9m² phần đất có nhà bà HH ngang 5,5m dài 12m nhưng khi tuyên xử Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ đối với phần diện tích đất có nhà của bà HH ngang 5,5m dài 12m và phần diện tích 5.919,9m² thuộc thửa 444 do bà HH đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H đã rút yêu cầu là thiếu sót.

[6] Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án thì các đồng thừa kế đều không yêu cầu xem xét, giải quyết đối với phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông S, bà Đ và ông Hùng V, bà LL nhưng hai phần đất chuyển nhượng này đều do bà HH đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất tại thửa số 206, tờ bản đồ số 02 đối với phần diện tích đất 9.174,6m²) và khi xem xét, giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Lâm Cẩm HH mà không giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông S, bà Đ và ông Hùng V, bà LL là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự và không giải quyết hết nội dung vụ án, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hùng V xác định vào năm 2016 thì ông đã lấy 03 công đất trong phần diện tích đất 8.629,76m² mà bà HH đang quản lý chuyển nhượng cho ông Lê Văn BB giá 75.000.000đồng/01 công tầm cây và ông Hùng V đã sang nhượng lại 02 công đất mà ông C được chia nhưng đã bán cho người khác. Ông H thống nhất phần trình bày này. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế đối với diện tích đất 8.629,76m² mà không đưa ông Lê Văn BB tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét đến những giao dịch liên quan đến tài sản này là thiếu sót.

[8] Các đương sự đều thống nhất bà HH đã thực hiện nghĩa vụ của cụ M1, cụ N1 gồm: 15.000.000 đồng trả nợ Ngân hàng, 06 chỉ vàng chuộc đất ông H mà trước đó cụ N1 đã cổ đất và 20 chỉ vàng chuộc đất của ông TT, bà NN. Tổng số tài sản mà bà HH đã thực hiện nghĩa vụ cho cụ M1, cụ N1 thì các đồng thừa kế được hưởng di sản phải có nghĩa vụ trả lại giá trị bằng tiền, vàng cho bà HH; Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia cho bà HH phần diện tích đất trong di sản thừa kế tương đương với giá trị tài sản bà HH đã thực hiện nghĩa vụ cho cụ M1, cụ N1 là không đúng. Cấp sơ

thẩm cũng chưa xem xét đến quyền lợi của người đã thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng cụ N1, cụ M1 trước khi chết; quyền lợi của người thực hiện nghĩa vụ thờ cúng cụ N1 và cụ M1 lâu dài để cho họ hưởng phần di sản nhiều hơn những đồng thừa kế khác cũng là thiếu sót.

[9] Khi giải quyết giao đất cho các đồng thừa kế được hưởng di sản, cấp sơ thẩm xác định tứ cạnh chưa rõ ràng, có thể hiện tứ cạnh tại phần I, II, III, IV, V nhưng nội dung bản án chưa xác định cụ thể các phần nêu trên có số đo, vị trí như thế nào nên không đảm bảo việc thi hành bản án.

[10] Di sản thừa kế bao gồm phần đất thổ cư và đất ruộng, theo biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2017 (BL 739) ông H xác định không yêu cầu định giá tài sản và thống nhất với giá đất là 75.000.000 đồng/công, ngày 01/3/2017 Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo về giá đất nhưng các đương sự đều không có ý kiến gì và không có ai yêu cầu định giá đất lại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giá đất 75.000.000 đồng/công là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định rõ giá trị của từng loại đất là chưa đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Bởi lẽ, phần diện tích đất 6.680,04m² (trong tổng diện tích đất 8.563,76m²) giao cho bà HH là đất thổ cư, vườn tạp nên cần phải xác định rõ giá trị cụ thể của từng loại đất để đảm bảo được lợi ích cho các đồng thừa kế được chia di sản.

[11] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Thanh M yêu cầu được nhận 04 công đất để trừ 03 cây vàng 24k trước đó bà N1 mượn của vợ chồng bà và yêu cầu ông Lâm Hùng V trả cho bà 20 gia lúa/công/3,5 công từ năm 2011 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: biên bản xác minh ngày 12/02/2014 (bút lục 259) và ngày 22/02/2017 (bút lục 745), ông Lâm Thanh PP xác định vào ngày 29/3/2003 thì ông có đọc lại Tờ giấy mượn vàng cho cụ N1 nghe, cụ N1 xác định đúng nội dung thì ông mới ký xác nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Hùng V xác định gia đình ông không mâu thuẫn gì với ông PP. Vì vậy, có cơ sở xác định cụ N1 nợ ông H, bà M 30 chỉ vàng 24k nên cấp sơ thẩm buộc những người hưởng di sản phải có nghĩa vụ cùng thanh toán số vàng cụ N1 nợ cho ông H, bà M là đúng quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự 2015.

[12] Đối với việc bà M yêu cầu ông Lâm Hùng V trả cho bà 20 gia lúa/công/3,5 công từ năm 2011 đến nay, bà cho rằng phần đất này là bà N1 trước đó cõ cho vợ chồng bà và do không có khả năng trả nợ 03 cây vàng 24k nên bà N1 đồng ý giao phần đất 3,5 công cho vợ chồng bà sử dụng nhưng hiện nay ông Hùng V canh tác nên bà yêu cầu ông Hùng V trả số lúa nêu trên cho bà. Như đã phân tích trên, thì việc bà N1 mượn 03 cây vàng 24k của bà thì việc mượn vàng đã được trả bằng vàng từ các đồng thừa kế của bà N1 và không chấp nhận yêu cầu của bà về việc nhận 04 công đất nên không có căn cứ để buộc ông Hùng V trả số lúa trên cho bà.

[13] Hồ sơ đã qua các tiến trình tố tụng sơ thẩm, phúc thẩm nhưng khi xét xử lại cấp sơ thẩm không có văn bản yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cung

cấp thông tin về quá trình thi hành án đã qua để từ đó có căn cứ giải quyết tiếp vụ án cũng là thiếu sót cần khắc phục.

[14] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do không tuyên buộc chị Trương Thị LL là vợ của ông Hùng V cùng có trách nhiệm giao phần diện tích đất 3.945,6m² đất tại thửa 124, tờ bản đồ số 02 do ông Lâm Văn M1 đứng tên quyền sử dụng đất cho ông Lâm Đình K và trả số tiền 96.442.000 đồng cho ông Lâm Chí C là không đảm bảo việc thi hành án và ảnh hưởng đến lợi ích của người khác. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì *“tài sản riêng của vợ chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân,..”*. Thực tế, bà LL đang cùng quản lý, sử dụng phần đất mà ông Hùng V có nghĩa vụ giao cho ông K, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa bà LL tham gia tố tụng, bà LL là vợ ông Hùng V đã ủy quyền cho ông Hùng V và phần đất này là di sản thừa kế, không phải là tài sản chung của vợ chồng, ông Hùng V thực hiện nghĩa vụ giao phần đất cho ông K và trả tiền cho ông C đều phát sinh từ việc được chia di sản thừa kế, nên tài sản ông Hùng V được nhận cũng như thực hiện nghĩa vụ tài sản liên quan đến việc chia thừa kế đều là tài sản riêng của ông Hùng V. Vì vậy, không cần thiết hủy án vì lý do tuyên buộc bà LL có trách nhiệm cùng ông Hùng V thực hiện các nghĩa vụ trả ông K phần diện tích đất nêu trên và trả tiền cho ông C. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, chấp nhận các căn cứ khác của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về một số vi phạm khác, chấp nhận đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ án sơ thẩm.

[15] Những vi phạm nêu trên thì cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần hủy toàn bộ án sơ thẩm, giao hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[16] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định sẽ được Tòa án nhân dân huyện PL giải quyết khi thụ lý lại vụ án theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định sẽ được Tòa án nhân dân huyện PL giải quyết khi thụ lý lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3/ Án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị Thanh M và ông Lâm Hùng V không phải chịu. Bà Trần Thị Thanh M và ông Lâm Hùng V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010330 ngày 26/10/2017 và biên lai thu tiền số 0010311 ngày 19/10/2017 được hoàn lại toàn bộ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- Viện KSND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện PL;
- VKSND huyện PL;
- TAND huyện PL;
- Lưu: HSVA; THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Túy Giang